

## KHUẤT ĐẦU

-đọc thơ Đan Tâm của Phạm Ngọc Lữ-



# NHỎ NHỎI HẠT BỤI

Tôi mượn bốn chữ dễ thương trong tập thơ Đan Tâm để làm tiêu đề cho bài viết này. Dễ thương vì còn lại “một chút gì để nhớ” của con gái anh.

Nằm im giữa trái tim ta

Nhỏ nhoi hạt bụi... tên là Các khuê

Tôi đã đôi lần được gặp anh, quả là anh cũng nhỏ nhoi cả trong dáng hình và lời ăn tiếng nói.

Hãy nghe anh thăm thì bên mộ con:

Nằm chơi dưới một hàng cây

Lao xao lá, lá thơ ngây chuyện trò

Nằm thanh thản một nắm mồ

Hồn nhiên cỏ, cỏ thơm tho hơi người

Hồn nhiên bao tiếng khóc cười

Tan vào lòng đất thấm tươi linh hồn

Hòa vào màu cỏ xanh non

Bay vào mây khói chiều hôm quê nhà

Cùng năm sinh, cùng năm mất. Ngắn ngủi quá, mong manh quá! Nhưng qua những câu thơ trong trẻo, ta thấy bé vẫn còn sống mãi giữa hoa cỏ đất trời, sống mãi trong tim người cha cũng như trước kia đã từng sống trong bụng mẹ.

Nhưng khóc cho một mối tình thì khác. Chẳng phải khác vì người dựng mà vì đời nông tình cạn/ta bơi qua sông mới hay đời nặng.

Chảy đi chảy đi

Hỡi sông buồn lắm

Nước thôi chờ chi

Thuyền xưa đã đắm

Người đi người đi

Trăm năm bến vắng

Chảy mau chảy mau

Đời: con nước siết

Tình: vực nước sâu

Em: dòng ly biệt

Ta chiếc lá chìm

Rất nhẹ nhàng, kín đáo. Nhưng cũng rất sâu xa thấm thiết.

Một người rất mực nhỏ nhẹ, tế nhị như thế, nhưng khi vào đời lại bị quăng vào một nơi:

Bốn phía rừng xanh màu nước độc

Đông tây nam bắc núi chập chùng

Một lưng đất bằng khu chén nhỏ

Trời chân ta vào chân Trường Sơn

Nơi đó là Củng Sơn, nơi chưa hết thanh xuân đã cùng đường, nơi đêm nằm mộng lớn nuốt mộng con. Một nơi đất trịch nhưng không phải là Tầm Dương của Tư Mã Giang Châu, để ít ra bên trời lặn đạn cũng còn có một kỳ nữ cho mình chan chứa lệ áo xanh.

Nhưng chính nơi sơn cùng thủy tận ấy, đã giúp cho nhà giáo trẻ có tâm hồn thi nhân, viết nên một bài hành mà theo tôi là thống tâm thiên cổ. Bài Biên Cương hành.

Biên cương biên cương chào biên cương

Chào núi non rừng thẳm nhiều nương

...

Đây biên cương ghê thay biên cương

Tử khí bốc lên dày như sương

....

Cô hồn một lũ nơi quan tái

Có khi hóa thành thú muông...

Cô hồn một lũ nơi đất trịch

Vỗ đá mà ca ngông hát cuồng

Những âm ương, ương lặp đi lặp lại đến mấy mươi lần nghe như những hồi chuông báo tử. Còn thê thiết hơn cả trong Vì ai chuông báo tử của Hemingway. Có lúc như cộp gầm núi Lá. Có lúc như con thú bị thương. Có khi như oan hồn kêu khóc ở Quỷ môn quan.

Vì đâu một chàng thư sinh chưa một ngày ra trận lại có thể viết nên một bài hành về nỗi cô độc, nỗi chết của người lính biên cương hay như thế? Đó là vì cả một Trường Sơn với đường Chín nam Lào, với Khe Sanh, Đắc Tô, với mùa hè đỏ lửa Quảng trị...

Gớm gió Lào tanh mùi đất chết

Thổi lấp rừng già bạt núi non

...

Chiến trường ném binh như vãi đậu

Đoàn quân ma bay khắp bốn phương.

Một nơi như thế nên nhìn đâu cũng thấy đá mang dáng dấp hình chinh phụ/trơ vợ chóp núi đứng bông con.

Nhưng thân trai thì hề chi buổi chinh chiến tang thương/sá chi hạt cát giữa sa trường. Biết là nhất khứ bất phục phản, nhưng vẫn cứ phải ra biên cương vì cả hai bên đều ném binh như vãi đậu. Đây là nơi mà thân phận cỏ rác của người lính hai miền được tác giả thể hiện một cách thật bi tráng.

Họ không sợ cái chết, nhưng họ phát cuồng vì nỗi cô đơn.

Đầu tiên là nỗi nhớ, trông núi có khi lầm bóng vợ và vì vậy đêm nằm ôm đá mà mơ chuyện yêu đương. Nhưng đá sao yêu đương nổi, chỉ có thể vỗ đá mà ca

ngông hát cuồng. Cô đơn khiến họ chém cây cho đỡ thèm giết chóc/ đỡ thèm  
môi mắt gái buồn hương. Sau cùng là hờn dỗi, trời trắng:

Thôi em yêu chi ta thêm tội

Vô duyên xui rơi lược vỡ gương

Thôi em chớ liều thân cô phụ

Chiến trường nay lắm nỗi đoạn trường

Thôi em còn chi ta mà đợi

Ngày về thôi cạn máu khô xương.

Một thời mà tương lai tối ám. Một thời mà ngày trở về là tang lễ thay cho hôn lễ.

Cuộc chiến quá dài khiến cho những hy sinh mất mát trở thành những tiếng kêu  
vô vọng nếu không muốn nói là vô nghĩa. Đâu còn cái hào khí lãng mạn của

những ngày đầu kháng chiến:

Tây tiến đoàn quân không mọc tóc

Quân xanh màu lá dữ oai hùm

Mắt trừng gửi mộng qua biên giới

Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm

(Quang Dũng)

Ở những nơi mà người ta ném binh như vãi đậu, thì những chữ tổ quốc, tự do  
dù được thét gào rống rú suốt ngày đêm của cả hai bên, cũng không còn làm ai  
xúc động. Tất cả đã biến thành những con-vật-người, thành hạt đậu. Cho nên dù  
có bắt tay làm loa gọi, thì giữa chốn sơn cùng thủy tận vọng lại cũng chỉ là tiếng  
hú của con thú bị thương mà thôi.

Hành là một thể thơ xưa chứa chan tâm sự. Bài Tỳ Bà hành của Bạch Cư Dị trên  
một ngàn năm rồi mà lệ áo xanh vẫn chưa khô. Bài Tống Biệt hành của Thâm  
Tâm đến tận hôm nay vẫn còn tiếng sóng ở trong lòng. Bài hành Phương Nam  
của Nguyễn Bính vẫn lảng lai châu thổ. Bài hành Biên Cương của Phạm Ngọc  
Lư xé ruột xé gan của cả một thế hệ đầu thai làm thế kỷ.

Cần gì đọc lịch sử hàng chục vạn trang, chỉ cần đọc sáu mươi câu thơ của một  
người họ Phạm là đã thấy được, cảm nhận được, sống lại được cả một cuộc  
chiến phi nhân, xuẩn ngốc, một cuộc nội chiến mù lòa chẳng khác gì một cuộc tự  
sát tập thể.

Với bao nhiêu tội ác như thế, người ta bảo hãy để lịch sử phán xét. Thì đây, bài  
BIÊN CƯƠNG HÀNH là một cách phán xét ngắn gọn nhất, trung thực nhất và  
cũng đau đớn nhất của một công dân nhỏ nhoi như hạt bụi. Hơn ai hết, chính thi  
sĩ mới là người có quyền và có bổn phận nói lên phán xét xuất phát từ chính trái  
tim của chính mình, cũng là trái tim của nhân dân.

Rồi cũng đến lúc: bom ngừng rơi, đạn ngừng nổ. Nhưng cái biên cương ấy vẫn  
chập chùng như vạn lý trường thành giữa hai miền. Những con người đã cạn  
máu khô xương bên thua cuộc giờ lại bị ném vào đời như vãi đậu.

Rời Củng Sơn trở về làng cũ, lại một bài hành nữa làm ta buồn muốn khóc.  
Không thét gào xé ruột như BIÊN CƯƠNG HÀNH, nhưng CỔ LÝ HÀNH thâm thì  
như đưa con trở về chịu tội với quê hương.

Thôn ỏ tiêu sơ gầy khói bếp

Đồng không mọc thối lạnh tro tàn

Sao phen đậu nghiêng đầu câm nín

Rơm rạ làm thình chảng hỏi han

Ngõ vắng bàn chân như huyệt đất  
Tre già đang kể chuyện chôn mả  
Nương rẫy đang phơi lòng dâu bể  
Nói làm sao hết nỗi bàng hoàng  
Phải đây là cố lý ta chẳng  
Đâu bóng mẹ già sau khung cửa  
Và những người em mặt trái xoan  
Đâu bóng chị hiền như hoa cỏ  
Bên luống cà xanh liếp cải vàng!

Muốn ở lại làng cũ làm một anh dân cày cũng không được, anh đành theo bước chân của những người thua cuộc, làm một chuyến hành phương nam. Bài TRỞ VỀ PHÁ TAM GIANG, theo tôi, cũng là một bài thiên cổ lục.

Nhớ buổi ra đi thân tình đưa tiễn  
Vợ gói câu thơ chị gói khúc đàn  
Mẹ tóc trắng nhìn theo lặng lẽ  
Con tóc xanh hai đứa dùng dằng  
Bước xuống thuyền nhìn trời cao đồng dặc  
Gỗ mạn thuyền ngâm khúc hành phương nam

Nhưng :

Mưa miền nam, nắng miền nam  
Trông mây thấp thòm nghe gió bàng hoàng  
Quá đổi mưa mau  
Quá nhiều nắng khổ  
Chén rượu quê người sao mà bạc  
Ân tình đất khách lắm đa đoan

Không thể so sánh bài Binh Xa hành của Đỗ Phủ, nhưng các bài hành của Phạm Ngọc Lư cũng là những tiếng kêu đứt ruột, ngập tràn nỗi đau phận người trong từng câu từng chữ.

Từ một thư sinh rồi một thầy giáo, giờ anh ma xui quỷ khiến ta ngồi chợ/ bán gió rao trắng một núi dừa!

Bài thơ hóm hỉnh cười nhạo chính mình nghe ra thật cay đắng.

Cô gái Bến Tre vừa quen mới  
Đêm dừa mà đôi mắt đong đưa  
Người đẹp thương ta hay chơi đẹp  
Bạc tiền không nài ép hơn thua  
Khổ mấy lần áo khô áo ướt  
Sợ lòng em chợt nắng chợt mưa  
Thôi để yên ta bên chén rượu  
Uống say... thành bại cũng bằng thừa  
Uống say... ném áo lên nóc quán  
Hết nợ hết duyên vĩnh biệt dừa

Rời bỏ Bến Tre, anh lại lạc vào miền đất đỏ Long Khánh. Đây là miền đất anh ném trái nhiều cay đắng nhất. Trong bài thơ Bụi Đỏ gửi các con, anh đã viết những câu như lời thú tội.

Trời sinh chi đôi vai thêm khổ  
Gánh gian nan như gánh tội đồ  
Sinh chi kẻ sĩ đem đầy đọa  
Chôn vùi nắng bỏng với mưa dơ  
Đi giữa rừng cao su trùng điệp  
Lòng đau như vết cạo còn tươi  
Mủ cứ chảy bám đầy tâm sự  
Tâm sự đùn cao như gò mối chôn người  
Đi giữa hoang sơ ruộng bầu khe suối  
Gai hồ người cào nát đôi chân  
Nghĩ về quê cũ lòng thêm thẹn  
Một ra đi là một lỡ lầm  
Cứ hỏi mình chưa chán? chán chưa?  
Nhìn núi Chứa Chan mắt buồn chan chứa.

Mười mấy năm lưu lạc, ô nhục đắng cay, có khác chi Kiều. Chỉ khác là có nhiều Thúc Sinh mà không có Từ Hải. Chút lòng trinh bạch mà Kiều gìn giữ trong tâm hồn để trao cho Kim Trọng, thì Ngọc Lư xin trao về Nàng Thơ.

Xưa ta cầm tuổi hai mươi  
Vay em nhan sắc về nuôi tâm hồn  
Nuôi bao mộng mị vàng son  
Một đêm trắng mộng chỉ còn đan tâm

Chính vì thương ngày xưa không tuổi/ôm mối tình không tên, nhờ mối tình với Nàng Thơ ấy mà anh đã sống sót qua những năm tháng ở Củng Sơn, ở phương nam nắng khổ mưa đau. Nàng Thơ không còn lững thững giữa thành cũ rêu phong, không phơi tẩm thân ngà ngọc trên sông Hương, mà đã cùng anh mười lít gạo trộn vài cân muối/nấu với tình em ăn vẫn ngon! Nàng đã cùng anh xé toạc đất tanh mùi máu kêu thét lên ở biên cương, rồi cùng anh xuôi nam, lại lộn về cố lý, qua phá Tam Giang, cuối cùng dừng lại trên bến nước thứ mười ba là sông Hàn. Một nàng Thơ rất mực tận tụy, nên dù mộng lớn mộng con đã tan tành, cũng vẫn còn bút mực đan thanh tươi màu.

Bút ấy chấm vào tấm lòng son, dù mai sau thơ anh có nằm chết trần trường, thì tôi vẫn tin, trong trái tim của bạn bè hãy còn nhỏ nhoi hạt bụi tên là Đan Tâm.

*Khuất Đầu*

Viết 2010.

2014, đọc lại có sửa đôi chút.

\*Những chữ in nghiêng trích thơ của Phạm Ngọc Lư.

Phạm Ngọc Lư, sinh 1946, tại Thừa Thiên.

Cựu học sinh Quốc Học. Cựu sinh viên Viện Hán học Huế và Đại Học Văn Khoa Huế.

Từng dạy học ở Củng Sơn, Phú Yên

Đan Tâm, tập thơ do chính tác giả tự thực hiện, tháng 1/2004, để dành tặng thân hữu.